

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144 /2024/HSST

Ngày: 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bình

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín - Là thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Tp .xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/TLST- HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2024, quyết định hoãn số 23 ngày 10/12/2024 đối với bị cáo:

Triệu Thị Huệ T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 08/5/1989 tại tỉnh Vĩnh Long; HKTT: K Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng Nơi ở hiện tại: Phòng 202 căn hộ C số K đường H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Triệu Văn H(SN: 1955) và bà Lê Thị G(SN: 1959), cùng trú tại: xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long Gia đình bị cáo có bốn anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Chồng: Trần Mạnh T(SN: 1969), con Trần Triệu Gia H1(SN: 2017), Trần Triệu Linh A(SN: 2019) cùng trú tại: K Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng

Tiền án: Ngày 25/3/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con

dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt Thư phải chấp hành 10 năm tù giam. Bị cáo chưa chấp hành án do nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/LCCT-TA ngày 22/11/2024. Vắng mặt, Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Viết T1 – sinh năm: 1969 và bà Trần Thị Kim M– sinh năm: 1972; Địa chỉ: P căn hộ A đường H, phường A, quận S, TP.Đà NẵngVắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim K– sinh năm: 1997; Địa chỉ: P căn hộ A đường H, phường A, quận S, TP.Đà NẵngVắng mặt

2. Chị Nguyễn Ngọc Phương A1– sinh năm: 2003; Địa chỉ: K đường H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng. có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/8/2024, ông Nguyễn Viết T1(SN: 1969; trú tại: P căn hộ A số K đường H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵngrút số tiền 700.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP VPhòng G1để mua vật tư và thanh toán tiền xây nhà. Sau khi thanh toán tiền vật tư xây nhà xong còn lại số tiền 71.000.000 đồng, ông T2đưa cho vợ là bà Trần Thị Kim M(SN: 1972; trú tại: P căn hộ A số K đường H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵngcất giữ. Bà M1 số tiền nói trên bằng dây thun (01 xấp 60.000.000 đồng gồm 120 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 xấp 11.000.000 đồng gồm 110 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) để dưới nệm trên giường ngủ của vợ chồng bà M(không ai biết việc bà M2 giấu số tiền nói trên).

Triệu Thị Huệ Tlà hàng xóm của bà M(Tở phòng Bđổi diện phòng bà MThường ngày, T2 sang nhà bà M3 nên biết gia đình bà M2 chìa khoá trong chiếc giày thể thao đặt ở góc bên phải cửa chính của phòng 203. Khoảng ngày 27-28/8/2024, bà M4 rơi mất một chiếc nhẫn màu vàng nên nhờ Tsang phòng của mình tìm giúp. Khi tìm trong phòng ngủ, bà Mai N trên giường ngủ của mình lên, T3 xuống dưới nệm nhìn để tìm chiếc nhẫn cho bà M5 thấy dưới nệm có để xấp tiền (T4 biết là bao nhiêu tiền). Sau khi tìm giúp chiếc nhẫn cho bà M6, T về nhà mình.

Đến khoảng 11 giờ ngày 04/9/2024, Triệu Thị H2 Cùng chị Nguyễn Thị Kim K(SN: 1997; trú tại: P căn hộ A số K đường H, phường A, quận S, TP.Đà Nẵnglà con gái ruột của bà M7 chợ về. Do có việc nên chị Knhờ T5 đồ lên phòng T6 cất trước, khi nào về Khuê sang phòng Tlấy sau thì T7 ý. Tđem đồ cất vào phòng 202 của mình, lúc này T8 sang phòng 203 thấy đóng cửa, không có ai

ở nhà. Do không có tiền mua thuốc và thăm khám thai định kỳ nên T9 sinh ý định trộm cắp tiền của bà M8 đến lên lấy chìa khoá phòng, mở ổ khoá vào trong phòng 203 rồi lên vào phòng ngủ của bà M. Lúc này, Thư nhấc nệm lên thì thấy có 02 xấp tiền nên T10 một ít tờ trong xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi áo rồi đi ra, khoá cửa phòng và để chìa khoá lại vị trí cũ. Về phòng của mình lấy số tiền vừa trộm cắp đếm được 20.000.000 đồng. Số tiền này T17 tiêu xài hết.

Với cách thức như trên, vào buổi trưa ngày 07 hoặc 08/9/2024 (không nhớ cụ thể ngày), T11 ở phòng của mình nhìn qua thấy phòng của bà M9 cửa, không có ai ở nhà, T12 tiếp tục lên lấy chìa khoá, mở cửa vào phòng ngủ của bà M10 trộm một ít tờ trong xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng và một ít tờ trong xấp tiền mệnh giá 100.000 đồng của bà M11 dưới nệm bỏ vào túi áo rồi khoá cửa, để chìa khoá lại vị trí cũ rồi trở về phòng của mình đếm được 20.500.000 đồng. Thư tiêu xài hết 6.000.000 đồng, còn lại 14.500.000 đồng Thư nạp vào tài khoản Ngân hàng V1 số 0935662863 mang tên Triệu Thị Huệ T13 dành mua sắm và dự phòng cho việc sinh con (lần thứ nhất T nạp số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 11/9/2024; lần thứ hai T nạp số tiền 6.500.000 đồng vào ngày 12/9/2024). Số tiền trong tài khoản T đã tiêu hết 4.500.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng. Đến ngày 13/9/2024, bà M12 tra lại số tiền cất dưới nệm thì phát hiện bị mất trộm 40.500.000 đồng, xấp tiền còn lại dưới nệm là 30.500.000 đồng nên đến trình báo Công an phường A ra, bà M13 mất thêm tài sản nào. Việc T14 cắp tiền không ai biết, không ai cùng T15 xài số tiền trộm cắp được.

*** Tang vật tạm giữ:**

- 10.000.000 đồng (tiền Ngân hàng N1 là tiền Thư trộm cắp được, tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an

- 01 đĩa màu vàng, lưu trữ dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh vào ngày 04/9/2024 tại trước cửa phòng 203 căn hộ A đường H, phường A, quận S, TP. Nẵng thu giữ của chị Nguyễn Ngọc P A1 (SN: 2003; trú tại: K đường H, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng là quản lý căn hộ. Đối với hình ảnh camera vào ngày 07-08/9/2024, không thu thập được do bộ nhớ không còn lưu.

- 01 tờ giấy, khổ A4 ghi nhận nội dung rút tiền từ sổ tiết kiệm của ông Nguyễn V T2 tại Ngân hàng TMCP V ông T2 giao nộp

Về phần dân sự: Cơ quan CSĐT Công an quận S bàn giao cho bà M14 tiền 10.000.000 đồng Thư tự nguyện giao nộp; ngày 14/11/2024, T16 nguyện trả cho bà M14 tiền 30.500.000 đồng. Bà M15 nhận lại được toàn bộ số tiền đã bị mất trộm nên có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T Ông T2 bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, Triệu Thị Huệ T17 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số:136/2024/CT- VKS ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Triệu Thị H2 T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Triệu Thị H2 T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS 2015 từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T18

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa màu vàng, lưu trữ dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh vào ngày 04/9/2024 tại trước cửa phòng 203 căn hộ A đường H, phường A, quận S, TP.Năng thu giữ của chị Nguyễn Ngọc P A11 là người quản lý căn hộ; 01 tờ giấy, khổ A4 ghi nhận nội dung rút tiền từ sổ tiết kiệm của ông Nguyễn V T2 tại Ngân hàng TMCP V ông T2 giao nộp.

Bị cáo Triệu Thị H2 T vắng mặt tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là Trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận S, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà truy tố, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Người bị hại ông T2 và bà M16 định vào ngày 04/9/2024 và ngày 07-08/9/2024 bị mất trộm tổng số tiền 40.500.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông, bà đã nhận lại toàn bộ số tài sản trên nên không có yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T18

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T vắng mặt nên không trình bày lời nói sau cùng. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hiện tại bị cáo mới sinh con và phải nuôi 1 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, công việc không có nhằm tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Triệu Thị H2 T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do mới sinh con, hiện nay sức khỏe còn yếu nên không thể tham gia phiên tòa ngoài ra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Quá trình điều tra bị cáo Triệu Thị Huệ T19 đã khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 04/9/2024 và khoảng trưa ngày 07 hoặc ngày 08/9/2024 (không xác định rõ ngày), tại phòng B căn hộ A, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng Triệu Thị Huệ T đã hai lần lén lút đột nhập vào phòng 203 trộm cắp số tiền 40.500.000 đồng của bà M, ông T1 (lần đầu T lấy trộm 20.000.000 đồng, lần hai T lấy trộm 20.500.000 đồng). Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp của người bị hại với số tiền 40.500.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng nói chung và địa bàn quận S riêng. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ bị cáo thì thấy:

Bị cáo Trần Thị H3 T3 có nhân thân xấu ngày 25/3/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 10 năm tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T3 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản do cố ý; bị cáo phạm tội hai lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trộm cắp cho người bị hại, tại thời

điểm phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai, ngày 01/12/2024 bị cáo T3 đã sinh con và hiện nuôi 1 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đĩa màu vàng, lưu trữ dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh vào ngày 04/9/2024 tại trước cửa phòng 203 căn hộ A đường H, phường A, quận S, TP. Nẵng do chị Nguyễn Ngọc P1 nộp; 01 tờ giấy, khổ A4 ghi nhận nội dung rút tiền từ sổ tiết kiệm của ông Nguyễn V T2 tại Ngân hàng TMCP V ông T2 giao nộp lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phân xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Án phí HSST bị cáo Triệu Thị H2 T phải chịu 200.000 đồng
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thị H2 T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị Huệ T 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hình phạt 10 (mười) năm tù tại bản án hình sự số 24/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho 2 bản án là **11 (Mười một) năm 6 (sáu) tháng tù giam**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2/Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: 200.000 đồng bị cáo Triệu Thị H2 T phải chịu.

Báo bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

